

## ĐỀ THI GIỮA KÌ 2 TOÁN LỚP 5

Thời gian: **Không giới hạn** | Số câu: **10**

Họ và tên thí sinh: \_\_\_\_\_  
Lớp / Đơn vị: \_\_\_\_\_

Số báo danh: \_\_\_\_\_  
Ngày thi: \_\_\_\_\_

1. Tính  $25 \times 4 = ?$

- A. 100  
B. 90  
C. 110  
D. 120

2. Số nào là số nguyên tố?

- A. 9  
B. 11  
C. 15  
D. 21

3. Tính diện tích hình chữ nhật có chiều dài 8cm và chiều rộng 5cm.

- A.  $40 \text{ cm}^2$   
B.  $30 \text{ cm}^2$   
C.  $50 \text{ cm}^2$   
D.  $45 \text{ cm}^2$

4. Giá trị của  $3^3$  là bao nhiêu?

- A. 6  
B. 9  
C. 27  
D. 30

5. Một chiếc bánh có giá 15.000 đồng. Nếu mua 4 chiếc thì tổng giá là bao nhiêu?

- A. 60.000 đồng  
B. 55.000 đồng  
C. 50.000 đồng  
D. 70.000 đồng

**6.** Tìm số lớn nhất trong các số: 12, 25, 18, 30.

**A.** 25

**C.** 18

**B.** 30

**D.** 12

**7.** Tính  $100 - 47 = ?$

**A.** 53

**C.** 60

**B.** 47

**D.** 50

**8.** Một hình tròn có bán kính 7cm. Diện tích của hình tròn là bao nhiêu (lấy  $\pi \approx 3.14$ )?

**A.**  $153.86 \text{ cm}^2$

**C.**  $160 \text{ cm}^2$

**B.**  $140 \text{ cm}^2$

**D.**  $150 \text{ cm}^2$

**9.** Kết quả của phép chia 144 cho 12 là bao nhiêu?

**A.** 10

**C.** 14

**B.** 12

**D.** 11

**10.** Số nào không phải là số chẵn?

**A.** 4

**C.** 7

**B.** 8

**D.** 10

## ĐÁP ÁN

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
A	B	A	C	A	B	A	A	B	C

### Gợi ý / Giải thích:

---

**Câu 1:** Để tính tích của 25 và 4, ta nhân 25 với 4.

**Câu 2:** Số nguyên tố là số lớn hơn 1 chỉ chia hết cho 1 và chính nó.

**Câu 3:** Diện tích hình chữ nhật = chiều dài x chiều rộng.

**Câu 4:**  $3^3$  có nghĩa là 3 nhân với chính nó 3 lần.

**Câu 5:** Tổng giá = giá một chiếc x số lượng chiếc.

**Câu 6:** Số lớn nhất là số có giá trị cao nhất trong danh sách.

**Câu 7:** Để tính hiệu, ta lấy số lớn trừ đi số nhỏ.

**Câu 8:** Diện tích hình tròn =  $\pi \times \text{bán kính}^2$ .

**Câu 9:** Để tìm thương, ta chia 144 cho 12.

**Câu 10:** Số chẵn là số chia hết cho 2.